

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 134/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 5 – 2022

“Về tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Xuân Minh
- Ông Nguyễn Vũ Bằng

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thanh Ng, sinh năm: 1992 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn SĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hải Â, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn SĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 22/02/2022, chị Trần Thanh Ng trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hải Â xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn SĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau năm 2010. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị Ng cho rằng vợ, chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, từ đó mâu thuẫn

kéo dài mà không có cách khắc phục nên chị và anh A đã sống ly thân với nhau 10 năm nay. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

- Về con chung: Chị Ng xác định giữa chị và anh A có 01 người con chung là Trần Hạo N, sinh ngày 28/02/2011, hiện đang sống chung với anh A. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh A được tiếp tục nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Ng xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Ng khai rằng giữa chị và anh A không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

* Đối với anh Nguyễn Hải A vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị Ng và anh A là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh A: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến phiên tòa để tham gia hòa giải và xét xử vụ án, thông qua cha, mẹ ruột của anh A là ông Nguyễn Văn E và bà Nguyễn Thị Đ nhận thay các văn bản tố tụng và có cam kết giao lại nhưng anh A vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh A theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của chị Ng, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Ng theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thanh Ng và anh Nguyễn Hải A xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2010 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm sức mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mÃ thuần thực tế là có nhiều mÃ thuần, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của anh chị, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mÃ thuần, chị Ng và anh A tự sống ly thân 10 năm để anh, chị tự dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho anh, chị có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của

mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, chị Ng cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì chị cũng không thể quay lại chung sống với anh A, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ng được ly hôn anh A là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Trần Hạo N, sinh ngày 28/02/2011, hiện sống chung với anh A đồng thời chị Ng cũng thống nhất giao cháu N cho anh A nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cháu Nam cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con: Anh A không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Ng xác định không có nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Ng khai rằng giữa chị và anh A không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thanh Ng về việc ly hôn anh Nguyễn Hải A.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Hạo N, sinh ngày 28/02/2011 cho anh Nguyễn Hải A trực tiếp nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Thanh Ng không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Ng phải chịu 300.000đ. Ngày 22 tháng 02 năm 2022, chị Ng đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 4446 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Chị Ng và anh Â được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn SĐ, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải